

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Công văn số 8963/BTNMT-MT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước năm 2024; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh báo cáo kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024, như sau:

I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1. Môi trường không khí

a) Hiện trạng:

Chương trình quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024 được thực hiện tại 20 điểm: 01 điểm nền, 06 điểm tại các nút giao thông, 06 điểm tại các khu vực hoạt động sản xuất công nghiệp, 06 điểm tại các khu vực phát triển đô thị và 01 điểm tại khu dân cư.

Kết quả quan trắc trung bình năm 2024: Biểu số 23 Phụ lục kèm theo

** Nhận định hiện trạng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:*

Qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh năm 2024 tại 20 vị trí đại diện khá tốt và ổn định. Giá trị quan trắc của các thông số cơ bản trong không khí xung quanh đều thấp hơn rất nhiều so với QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Trong năm 2024 không có các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

- Tại các điểm nút giao thông: Giá trị tổng bụi lơ lửng dao động từ 82,9 – 153,3 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; SO_2 từ 34,4 - 58,9 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; NO_2 từ 29,5 - 57,05 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; O_3 từ 24,33 - 29,83 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; bụi PM_{10} tại một số vị trí có giá trị 35 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ và 42 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$, các vị trí còn lại đều không phát hiện hoặc thấp hơn giới hạn định lượng của phương pháp phân tích; riêng CO và bụi Pb tại tất cả các vị trí quan trắc đều không phát hiện.

- Tại các khu vực hoạt động sản xuất công nghiệp: Giá trị tổng bụi lơ lửng dao động từ 55,1 – 90,3 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; SO_2 có giá trị từ 20,94 - 40,4 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; NO_2 có giá trị từ 18,84 - 35,97 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ và không phát hiện; O_3 từ 24,78 - 30,37 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; bụi PM_{10} tại 01 vị trí có giá trị 46 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$, các vị trí còn lại đều không phát hiện hoặc thấp hơn giới hạn định lượng của phương pháp phân tích; CO và bụi Pb tại tất cả các vị trí quan trắc đều không phát hiện.

- Tại các khu vực phát triển đô thị: Giá trị tổng bụi lơ lửng dao động từ 43,1 - 190 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; SO_2 có giá trị từ 24,37 - 63,55 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ và không phát hiện; NO_2 có giá trị từ 21,58 - 60,05 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ và không phát hiện; O_3 từ 22,37 - 30,87 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; bụi PM_{10} tại vị trí K₇ có giá trị 38 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$, các vị trí còn lại đều không phát hiện hoặc thấp hơn giới hạn định lượng của phương pháp phân tích; CO và bụi Pb tại tất cả các vị trí quan trắc đều không phát hiện.

- Tại khu vực dân cư: Giá trị tổng bụi lơ lửng là 171,2 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; SO_2 là 53,25 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; NO_2 là 51,18 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; O_3 là 31,55 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$; bụi PM_{10} thấp hơn giới hạn định lượng của phương pháp phân tích; CO và bụi Pb đều không phát hiện.

Đối với tiếng ồn, mức âm tương đương (L_{Aeq}) có giá trị dao động từ 56,62 – 70,7 dBA cơ bản đạt ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, có 02 vị trí có giá trị vượt Quy chuẩn nhưng mức vượt thấp không ảnh hưởng đáng kể; riêng mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}) chỉ có tại vị trí điểm nền có giá trị 65,78 dBA đạt QCVN 26:2010/BTNMT, các vị trí còn lại có giá trị dao động từ 70,37 – 91,95 dBA và vượt Quy chuẩn từ 1,005 – 1,3 lần.

Mức gia tốc rung tại 06 vị trí không phát hiện, còn lại giá trị từ 30,77 – 50,27 dBA đều đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

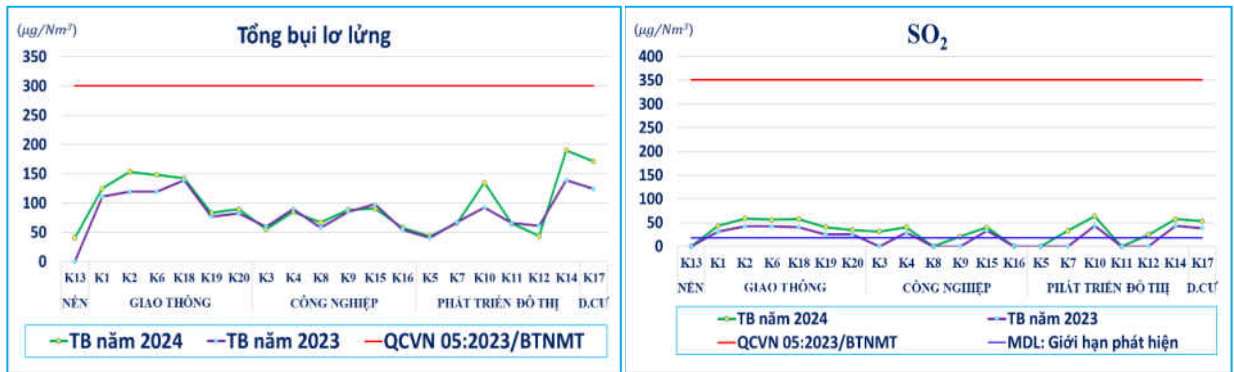
b) Diễn biến và biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm mình họa cho nhận định:

Diễn biến các thông số ô nhiễm chính trong môi trường không khí trung bình năm 2024 so với năm 2023 như sau⁽¹⁾:

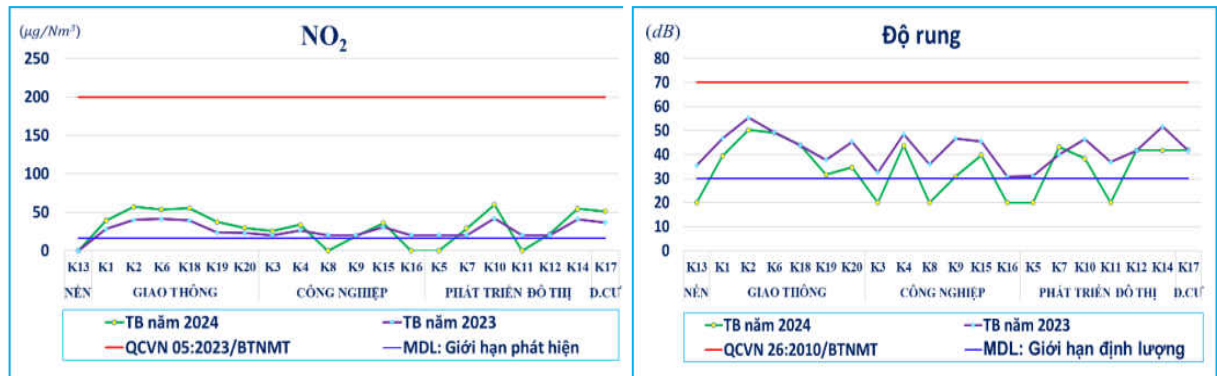
Bảng 1. Diễn biến chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung trung bình năm 2023 - 2024

Biến động	Số điểm biến động (điểm)						
	Bụi lơ lửng	CO	SO ₂	NO ₂	Tiếng ồn		Độ rung
					L _{Aeq}	L _{Amax}	
Tăng	14/20	00/20	13/20	12/20	18/20	12/20	04/20
Giảm	06/20	00/20	00/20	00/20	02/20	08/20	16/20
Không thay đổi	00/20	20/20	07/20	08/20	00/20	00/20	00/20

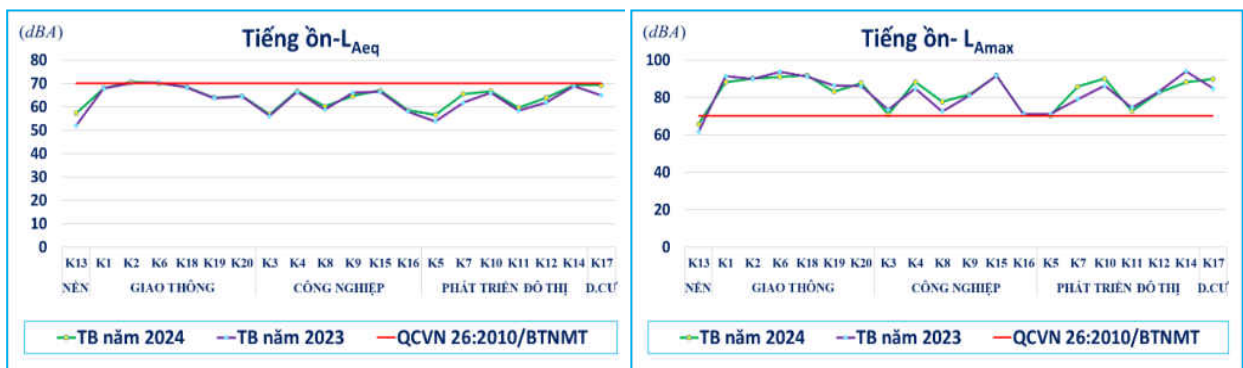
⁽¹⁾ Thông số O_3 , Bụi PM_{10} , Pb năm 2023 không thực hiện quan trắc nên không có giá trị để so sánh.



Biểu đồ 1: Diễn biến thông số tổng bụi lơ lửng và SO_2 trung bình năm 2023 – 2024



Biểu đồ 2: Diễn biến thông số NO_2 và độ rung trung bình năm 2023 – 2024



Biểu đồ 3: Diễn biến thông số tiếng ồn trung bình năm 2023 – 2024

* Nhận định diễn biến chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:

Qua đánh giá diễn biến cho thấy chất lượng không khí, tiếng ồn và độ rung quan trắc năm 2024 so với năm 2023 có sự biến động nhỏ không đáng kể, hàm lượng tổng bụi lơ lửng, SO_2 , NO_2 và mức âm tương đương (L_{Aeq}) đa số vị trí tăng nhẹ; riêng đối với mức gia tốc rung có dấu hiệu giảm nhiều so với năm trước.

2. Môi trường nước mặt

a) Hiện trạng:

Chương trình quan trắc chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện tại 20 vị trí trên lưu vực các sông (sông Đăk Bla, sông Sê San, sông Đăk Psi, sông Pô Cô, sông Sa Thầy).

Kết quả quan trắc trung bình năm 2024: Biểu số 25 Phụ lục kèm theo.

- Sông Đăk Bla: Thực hiện quan trắc tại 07/20 vị trí.

Bảng 2: Vị trí các điểm quan trắc sông Đăk Bla

TT	Ký hiệu	Vị trí
1	S _{DL0}	Đầu nguồn sông Đăk Bla (<i>Sông Đăk S'Nghé</i>) xã Măng Bút, huyện Kon Plông
2	S _{DL1}	Suối Đăk Ke tại cầu dây văng gần trung tâm thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông
3	S _{DL2}	Tại sông Đăk S'Nghé cách điểm cấp nước của Nhà máy cấp nước sinh hoạt thuộc Trung tâm DV&MT đô thị huyện Kon Rẫy khoảng 200 m về phía thượng lưu
4	S _{DL3}	Sông Đăk Bla cách vị trí hợp lưu với suối Đăk Năng huyện Kon Rẫy khoảng 400 m về phía hạ lưu
5	S _{DL4}	Tại hống thu nước Nhà máy cấp nước Kon Tum
6	S _{DL5}	Tại sông Đăk Bla cách điểm xả nước thải của Nhà máy Đường Kon Tum khoảng 1.000 m về phía hạ lưu
7	S _{DL6}	Tại cầu Đăk Tía giữa 2 phường Nguyễn Trãi và Đoàn Kết, thành phố Kon Tum

+ Đối với các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông: Đa số các vị trí có giá trị các thông số pH, DO, TSS, tổng N, tổng P, Coliform đạt mức A, mức B của QCVN 08:2023/BTNMT (*giá trị pH từ 7,05 – 7,48, DO từ 6,41 – 7,46 mg/L, TSS từ 5,17 – 56,2 mg/L, tổng N từ 0,9 – 1,4 mg/L, tổng P từ 0,064 – 0,17 mg/L, Coliform từ 329 – 2.820 MPN/100mL*); đa số các vị trí có giá trị thông số COD, BOD đạt mức C của QCVN 08:2023/BTNMT (*giá trị COD từ 9,65 – 20,9 mg/L, BOD từ 3,6 – 9,39 mg/L*); tại vị trí S_{DL0} có hầu hết giá trị các thông số đạt mức A của QCVN 08:2023/BTNMT.

+ Đối với các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người: Đa số vị trí có giá trị các thông số E.Coli, NH₄⁺-N, CN⁻, tổng dầu mỡ, Fe, As, Pb, Hg đạt QCVN 08:2023/BTNMT (*giá trị E.Coli từ 4,6 – 18 MPN/100mL, NH₄⁺-N từ 0,043 – 0,1 mg/L, CN⁻ <0,001 mg/L, tổng dầu mỡ <1 mg/L, Fe từ 0,14 – 1,05 mg/L, Pb từ 0,0023 – 0,0030 mg/L, As <0,00050 mg/L, Hg <0,00030 mg/L*); riêng vị trí S_{DL3}, S_{DL6} có giá trị Fe vượt QCVN 08:2023/BTNMT 1,3 và 2,1 lần.

- Lưu vực sông Đăk Psi: Thực hiện quan trắc tại 03/20 vị trí:

Bảng 3: Vị trí các điểm quan trắc sông Đăk Psi

TT	Ký hiệu	Vị trí
1	S _{DPS0}	Đầu nguồn sông Đăk Psi phía thượng lưu so với khu dân cư xa nhất tại xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông.
2	S _{DPS1}	Tại cầu Diên Bình xã Diên Bình, huyện Đăk Tô.
3	S _{DPS2}	Sông Đăk Psi tại cầu treo gần UBND xã Đăk Psi, huyện Đăk Hà.

+ Đối với các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông: Đa số các vị trí có giá trị các thông số pH, DO, TSS, tổng N, tổng P, Coliform

đạt mức A, mức B của QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị pH từ 7,26 – 7,72, DO từ 6,14 – 8,01 mg/L, TSS từ 4,77 – 35,8 mg/L, tổng N từ 0,83 – 1,41 mg/L, tổng P từ 0,064 – 0,12 mg/L, Coliform từ 324 – 581 MPN/100mL); đa số các vị trí có giá trị thông số COD, BOD đạt mức C (Giá trị COD từ 9,55 – 17,4 mg/L, BOD từ 3,68 – 7,73 mg/L); tại vị trí S_{SDPS0} có hầu hết giá trị các thông số đạt mức A của QCVN 08:2023/BTNMT.

+ Đối với các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người: Đa số các vị trí có giá trị các thông số E.Coli, NH₄⁺-N, CN⁻, tổng dầu mỡ, Fe, As, Pb, Hg đạt QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị E.Coli từ 3,57 – 6,57 MPN/100mL, NH₄⁺-N từ 0,029 – 0,054 mg/L, CN⁻ <0,001 mg/L, tổng dầu mỡ <1 mg/L, Fe từ 0,3 – 0,57 mg/L, Pb từ 0,0027 – 0,003 mg/L, As từ 0,0005 – 0,00065 mg/L, Hg <0,0003 mg/L); riêng vị trí S_{DPS2} có giá trị Fe vượt QCVN 08:2023/BTNMT 1,14 lần.

- Lưu vực sông Pô Kô: Thực hiện quan trắc tại 06/20 vị trí

Bảng 4: Vị trí các điểm quan trắc sông Pô Kô

TT	Ký hiệu	Vị trí
1	S _{PK0}	Cách cầu Đắk Man xã Đắk Man, huyện Đắk Glei khoảng 500 m về phía thượng lưu
2	S _{PK1}	Sông Pô Kô tại cầu treo thôn Đắk Sút, cách Nhà máy chế biến sản phẩm tinh bột từ nông sản thuộc Công ty Cổ phần Phương Hoa Kon Tum khoảng 1.000 m về hạ lưu.
3	S _{PK2}	Tại cầu Đắk Kòn xã Đắk Nông, huyện Ngọc Hồi, cách đập Thủy điện Plei Kần khoảng 3 km về phía thượng lưu.
4	S _{PK3}	Tại cầu Đắk Mốt đoạn giáp ranh giữa huyện Ngọc Hồi và huyện Đắk Tô.
5	S _{PK4}	Tại cầu treo thôn Đắk Rao Lớn trước khi hợp thủy với sông Pô Kô.
6	S _{PK5}	Sông Pô Kô cách điểm hợp lưu giữa sông Đắk Psi và sông Pô Kô khoảng 1.000 m về phía hạ lưu.

+ Đối với các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông: Đa số các vị trí có giá trị các thông số pH, DO đạt mức A, thông số TSS, tổng N, tổng P, Coliform đạt mức B của QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị pH từ 7,33 – 7,88, DO từ 6,16 – 8,32 mg/L, TSS từ 8,2 – 84,3 mg/L, tổng N từ 0,86 – 1,45 mg/L, tổng P từ 0,064 – 0,15 mg/L, Coliform từ 265 – 1.560 MPN/100mL); đa số các vị trí có giá trị thông số COD, BOD đạt mức C (Giá trị COD từ 9,57 – 21,7 mg/L, BOD từ 3,93 – 9,72 mg/L); riêng vị trí S_{PK0} có hầu hết giá trị các thông số đạt mức A của QCVN 08:2023/BTNMT⁽²⁾.

+ Đối với các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người: Đa số các vị trí có giá trị các thông số E.Coli, NH₄⁺-N, CN⁻, tổng dầu mỡ, Fe, As, Pb, Hg đạt QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị E.Coli từ 5,13 – 8,13 MPN/100mL, NH₄⁺-N từ 0,062 – 0,22 mg/L, CN⁻ <0,001 mg/L, tổng dầu mỡ <1 mg/L, Fe từ 0,24 – 0,73 mg/L, Pb từ 0,0023 – 0,026 mg/L, As từ 0,0005 – 0,0019 mg/L, Hg <0,0003

⁽²⁾ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt:

Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

mg/L); 03/06 vị trí (S_{PK1} , S_{PK3} , S_{PK4}) có giá trị Fe vượt QCVN 08:2023/BTNMT từ 1,42 – 1,46 lần.

- Lưu vực sông Sê San: Thực hiện quan trắc tại 03/20 vị trí

Bảng 5: Vị trí các điểm quan trắc sông Pô Cô

TT	Ký hiệu	Vị trí
1	S_{SS1}	Sông Sê San cách ngã ba sông Đăk Bla và sông Pô Cô khoảng 1.000 m.
2	S_{SS2}	Sông Sê San cách Nhà máy thủy điện sê San 4A khoảng 600 m về phía hạ lưu.
3	S_{PK6}	Sông Đăk Sir cách Nhà máy tinh bột sắn Sa Nhơn khoảng 1.000 m về phía hạ lưu.

+ Đối với các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông: Đa số các vị trí có giá trị các thông số pH, DO, tổng P, Coliform đều đạt mức A, TSS đạt mức B của QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị pH từ 7,2 – 7,23, DO từ 6,09 – 7,19 mg/L, tổng P từ 0,083 – 0,2 mg/L, Coliform từ 310 – 631 MPN/100mL, TSS từ 14,4 – 39,2 mg/L); thông số tổng N, COD, BOD đa số vị trí đạt mức C của QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị tổng N từ 1,11 – 1,58 mg/L, COD từ 13,6 – 16,9 mg/L, BOD từ 6,14 – 7,62 mg/L).

+ Đối với các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người: Đa số các vị trí có giá trị thông số E.Coli, NH_4^+-N , CN^- , tổng dầu mỡ, Fe, As, Pb, Hg đạt QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị E.Coli từ 4,23 – 4,9 MPN/100mL, NH_4^+-N từ 0,056 – 0,14 mg/L, $CN^- < 0,001$ mg/L, tổng dầu mỡ < 1 mg/L, Fe từ 0,25 – 0,57 mg/L, Pb từ 0,0025 – 0,0033 mg/L, As $< 0,00050$ mg/L, Hg $< 0,00030$ mg/L); riêng vị trí S_{PK6} có giá trị Fe vượt quy chuẩn 1,14 lần.

- Lưu vực sông Sa Thầy: Thực hiện quan trắc tại 01/20 vị trí S_{ST1} - cách Nhà máy Tinh bột sắn Ia H'Drai khoảng 4 km về phía hạ lưu.

+ Đối với các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông: Vị trí S_{ST1} có giá trị các thông số pH, DO, tổng P, Coliform đạt mức A, TSS, tổng N đạt mức B của QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị pH 7,33, DO 6,46 mg/L, tổng P 0,1 mg/L, Coliform 788 MPN/100mL, TSS 29,5 mg/L, tổng N 1,16 mg/L); giá trị thông số COD, BOD đạt mức C của QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị COD 15,5 mg/L, BOD 6,97 mg/L).

+ Đối với các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người: Vị trí S_{ST1} có giá trị các thông số E.Coli, NH_4^+-N , CN^- , tổng dầu mỡ, Fe, As, Pb, Hg đạt QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị E.Coli 6,73 MPN/100mL, NH_4^+-N 0,058 mg/L, $CN^- < 0,001$ mg/L, tổng dầu mỡ < 1 mg/L, Fe 0,28 mg/L, Pb 0,0022 mg/L, As $< 0,00050$ mg/L, Hg $< 0,00030$ mg/L).

b) Diễn biến và biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:

Bảng 7. Diễn biến chất lượng môi trường nước mặt sông Đăk Psi năm 2024 so với năm 2023

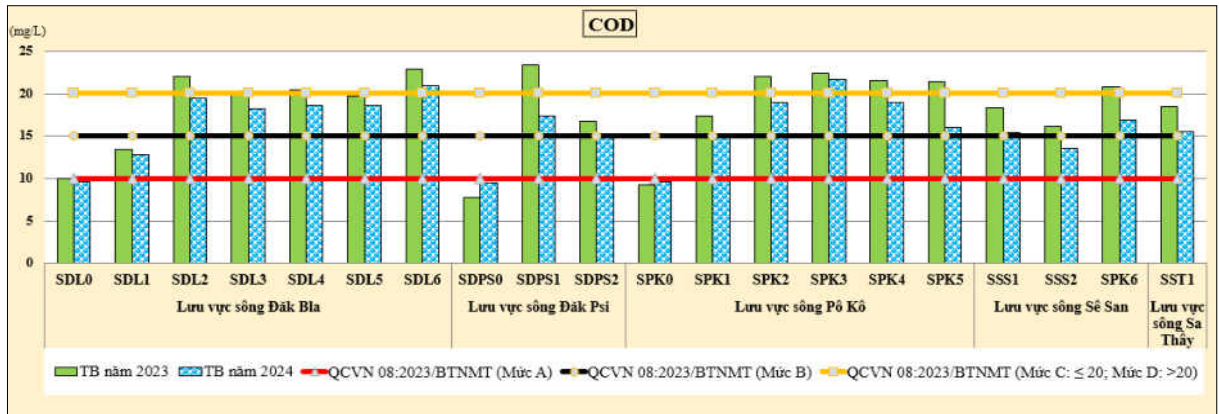
Bảng 8. Diễn biến chất lượng môi trường nước mặt sông Pô Cô năm 2024 so với năm 2023

Bảng 9. Diễn biến chất lượng môi trường nước mặt sông Sê San năm 2024 so với năm 2023

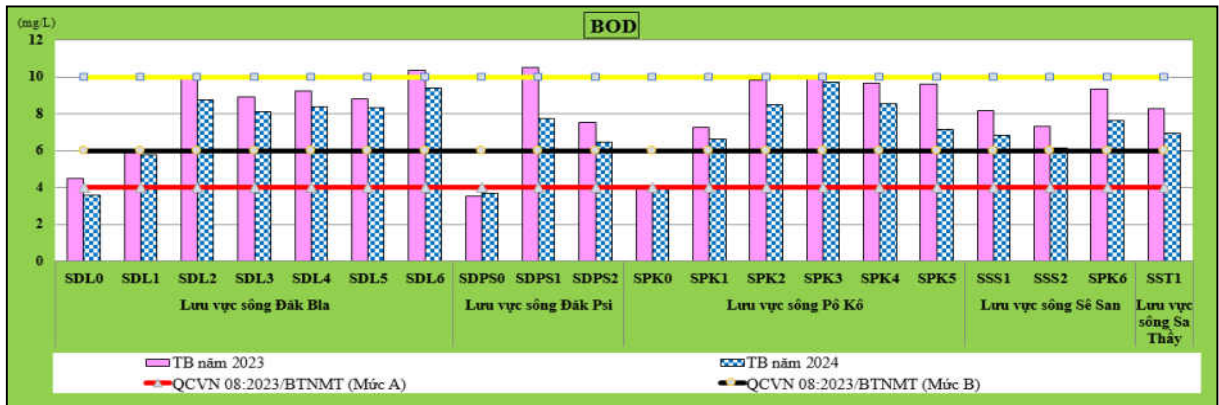
[illegible]

Bảng 10. Diễn biến chất lượng môi trường nước mặt sông Sa Thầy năm 2024 so với năm 2023

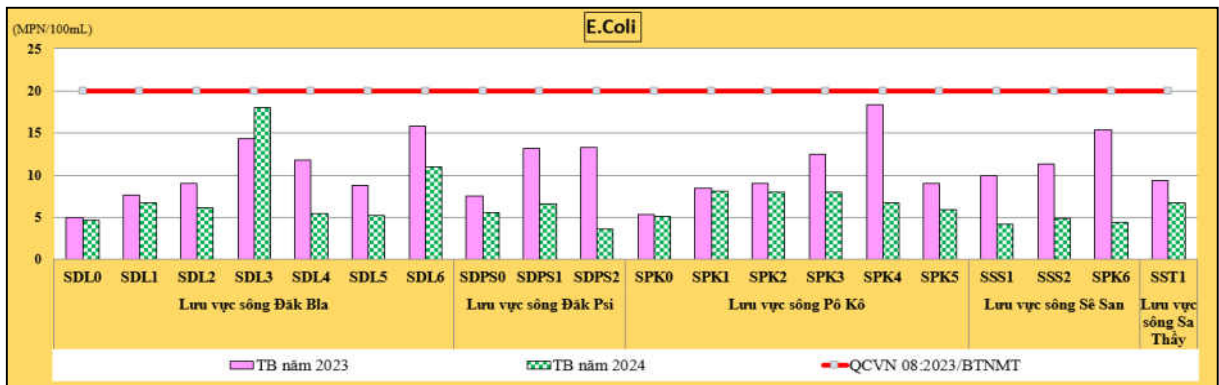
Biến động	Số điểm biến động (điểm)										
	pH	TSS	DO	COD	BOD	NH ₄ ⁺	Coliform	E.Coli	Fe	Pb	CN ⁻
Tăng	00/03	00/03	01/03	00/03	00/03	02/03	01/03	00/03	00/03	01/03	00/03
Giảm	03/03	03/03	02/03	03/03	03/03	01/03	02/03	03/03	03/03	02/03	00/03
Không thay đổi	00/03	00/03	00/03	00/03	00/03	00/03	00/03	00/03	00/03	00/03	03/03



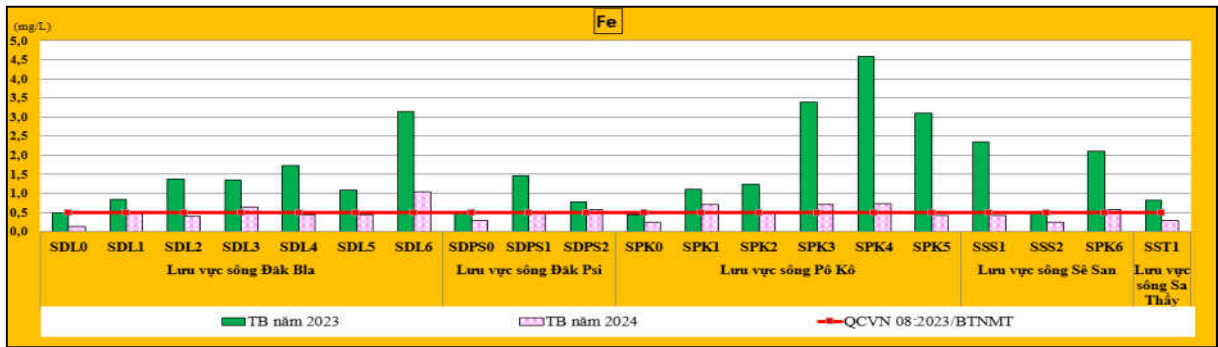
Biểu đồ 4: Diễn biến thông số COD trung bình năm 2023 – 2024



Biểu đồ 5: Diễn biến thông số BOD trung bình năm 2023 – 2024



Biểu đồ 6: Diễn biến thông số E.Coli trung bình năm 2023 – 2024



Biểu đồ 7: Diễn biến thông số Fe trung bình năm 2023 – 2024

** Nhận định diễn biến các thông số bị ô nhiễm trên các sông.*

- Sông Đắk Bla: Hầu hết các thông số phản ánh chất lượng nước mặt có xu hướng tốt hơn năm 2023 (giá trị các thông số quan trắc đa số giảm). Riêng thông số Coliform có xu hướng tăng, thông số DO trong nước thấp hơn, có thể nhận định xu hướng nguồn nước mặt bị ảnh hưởng bởi nước thải sinh hoạt, chất thải trong hoạt động sản xuất nông nghiệp chưa được xử lý đảm bảo theo QCVN (chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý) gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

- Đối với các sông Pô Kô, sông Đắk Psi và sông Sê San hầu hết các thông số phản ánh chất lượng nước mặt có xu hướng tốt hơn cùng kỳ năm 2023. Riêng thông số NH_4^+ có xu hướng tăng, có thể nhận định nguồn nước có xu hướng bị ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất nông nghiệp, nước thải chưa được xử lý đảm bảo theo QCVN gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

3. Môi trường nước dưới đất

a) Hiện trạng:

Mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện tại 13 vị trí.

Kết quả quan trắc trung bình năm 2024: Biểu số 26 Phụ lục II kèm theo.

Kết quả quan trắc môi trường nước dưới đất tại các vị trí trên địa bàn tỉnh Kon Tum trung bình năm 2024 khi so sánh với giá trị giới hạn của các thông số quy định tại QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất và QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt cho thấy tại các vị trí có hầu hết giá trị các thông số nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT, QCVN 01-1:2018/BYT. Tuy nhiên, tại một số vị trí có giá trị pH, chỉ số Pemanganat, NH_4^+ -N, Fe tổng, Mn, không đạt giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT, QCVN 01-1:2018/BYT, cụ thể:

- Chỉ thị pH: Kết quả quan trắc trung bình năm 2024 dao động từ 5,93 – 7,09, 13/13 vị trí quan trắc có giá trị đạt QCVN 09:2023/BTNMT; 12/13 vị trí đạt QCVN 01-1:2018/BYT, riêng vị trí G₇ có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép nhỏ nhất của QCVN 01-1:2018/BYT 1,01 lần.

- Chỉ số Pemanganat: Kết quả quan trắc trung bình năm 2024 tại 12/13 vị trí có giá trị <1,6 mg/L đạt QCVN 09:2023/BTNMT và QCVN 01-1:2018/BYT, riêng vị trí G₁₂ có giá trị 2,57 mg/L đạt QCVN 09:2023/BTNMT nhưng vượt QCVN 01-1:2018/BYT 1,29 lần.

- Thông số NH₄⁺ - N: Kết quả quan trắc trung bình năm 2024 dao động từ <0,032 - 1,26 mg/L, 12/13 vị trí quan trắc có giá trị đạt QCVN 09:2023/BTNMT, riêng vị trí G₁₃ có giá trị vượt QCVN 09:2023/BTNMT 1,26 lần; 09/13 vị trí đạt QCVN 01-1:2018/BYT, 04/13 vị trí G₄, G₁₁, G₁₂, G₁₃ có giá trị vượt QCVN 01-1:2018/BYT từ 1,24 – 4,21 lần.

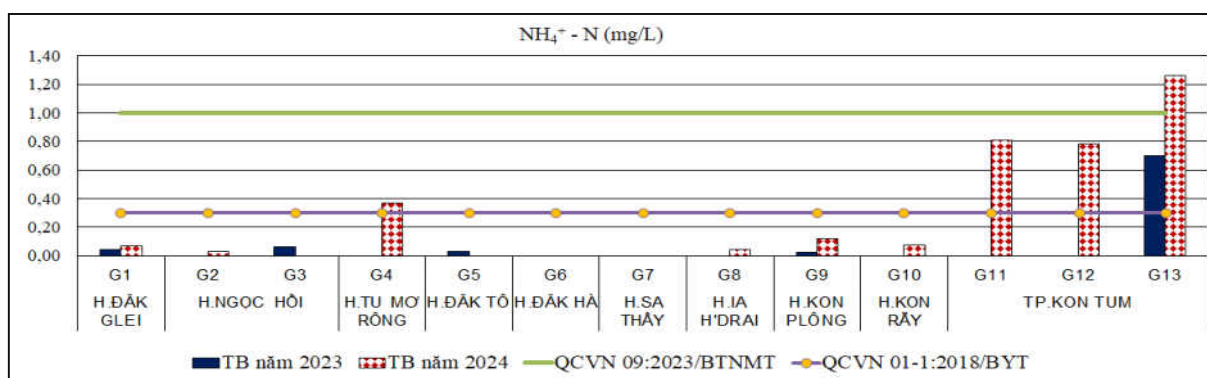
- Thông số Fe tổng: Kết quả quan trắc trung bình năm 2024 dao động từ <0,16 – 0,44 mg/L, 13/13 vị trí quan trắc có giá trị đạt QCVN 09:2023/BTNMT; 11/13 vị trí đạt QCVN 01-1:2018/BYT, riêng vị trí G₃ và G₁₀ có giá trị vượt QCVN 01-1:2018/BYT 1,17 và 1,48 lần.

- Thông số Mn: Kết quả quan trắc trung bình năm 2024 dao động từ <0,095 – 0,365 mg/L, 13/13 vị trí quan trắc có giá trị đạt QCVN 09:2023/BTNMT; 06/13 vị trí đạt QCVN 01-1:2018/BYT, 07/13 vị trí G₁, G₂, G₈, G₁₀, G₁₁, G₁₂, G₁₃ có giá trị vượt QCVN 01-1:2018/BYT từ 1,08 – 3,65 lần.

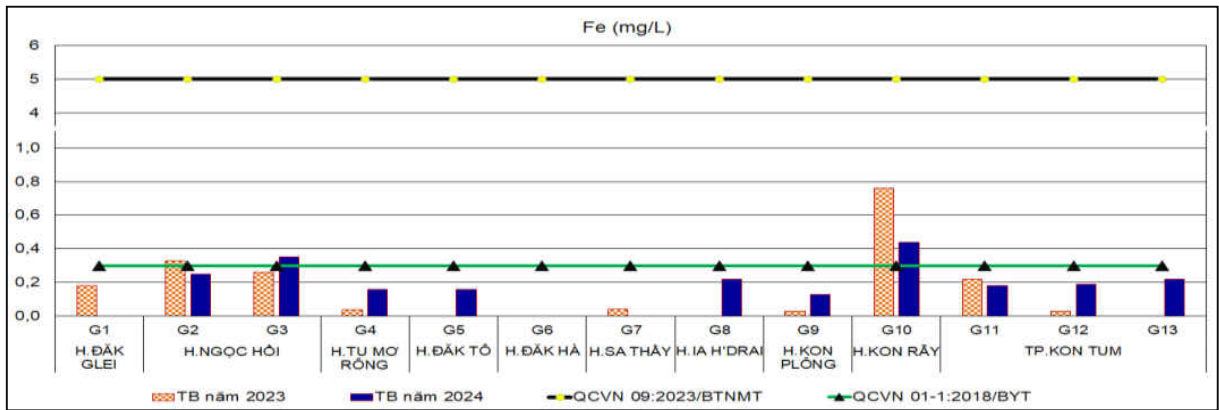
b) Diễn biến và biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:

Bảng 11. Diễn biến chất lượng môi trường nước dưới đất trung bình năm 2024 so với năm 2023

Biến động	Số điểm biến động (điểm)									
	pH	TDS	Chỉ số Pemanganat	NH ₄ ⁺ - N	NO ₃ ⁻ - N	SO ₄ ²⁻	Fe tổng	As	E.Coli	Coliform
Tăng	07/13	03/13	01/13	09/13	05/13	05/13	07/13	00/13	00/13	00/13
Giảm	06/13	10/13	00/13	01/13	06/13	03/13	04/13	01/13	00/13	00/13
Không thay đổi	00/13	00/13	12/13	03/13	02/13	05/13	02/13	12/13	13/13	13/13



Biểu đồ 8: Diễn biến thông số NH₄⁺ - N trung bình năm 2023 – 2024



Biểu đồ 9: Diễn biến thông số Fe trung bình năm 2023 – 2024

** Nhận định hiện trạng và diễn biến các thông số ô nhiễm so với năm trước:*

Chất lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum tương đối tốt. Kết quả quan trắc các thông số có sự biến động tuy nhiên đa số vẫn đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn. Riêng thông số Fe, $\text{NH}_4^+\text{-N}$ tại một vài vị trí có xu hướng tăng và có giá trị vượt quy chuẩn hiện hành, nguyên nhân được nhận định có thể từ quá trình rửa trôi, phong hóa trầm tích, từ các hoạt động của con người (sản xuất, chăn nuôi,...) làm cho hàm lượng các ô nhiễm bị tích tụ trong các nguồn nước mặt một thời gian ngấm vào các mạch nước ngầm.

4. Môi trường đất

a) Hiện trạng

Mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024 được thực hiện 02 đợt/năm tại 08 vị trí với 07 thông số quan trắc. Trong 08 vị trí thực hiện quan trắc năm 2024 có 03 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu nhiều tác động của các hoạt động sản xuất công nghiệp và 05 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu tác động của sản xuất nông nghiệp.

Kết quả quan trắc trung bình năm 2024: Biểu số 27 Phụ lục kèm theo

** Nhận định hiện trạng môi trường đất:*

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất năm 2024 cho thấy chất lượng đất hiện tương đối tốt, chưa bị ô nhiễm bởi các thông số kim loại nặng và hóa chất bảo vệ thực vật nhóm clo hữu cơ tại cả 08/08 vị trí, cụ thể:

- Đối với 03 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu tác động của các hoạt động sản xuất công nghiệp (D_2 , D_3 , D_4): Các thông số kim loại nặng (Cu , Cd , Pb , Zn , As , Cr) và Hóa chất bảo vệ thực vật nhóm clo hữu cơ tại các vị trí quan trắc đều có hàm lượng thấp đạt QCVN 03:2023/BTNMT – Loại 3. Như vậy, hoạt động công nghiệp tác động không đáng kể đến chất lượng môi trường đất tại thời điểm quan trắc.

- Đối với 05 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu tác động của hoạt động sản xuất nông nghiệp (D_1 , D_5 , D_6 , D_7 , D_8): Các thông số kim loại nặng (Cu , Cd , Pb , Zn , As , Cr) và Hóa chất bảo vệ thực vật nhóm clo hữu cơ tại tất cả các vị trí quan trắc đều có hàm lượng thấp và thấp hơn giới hạn cho phép theo

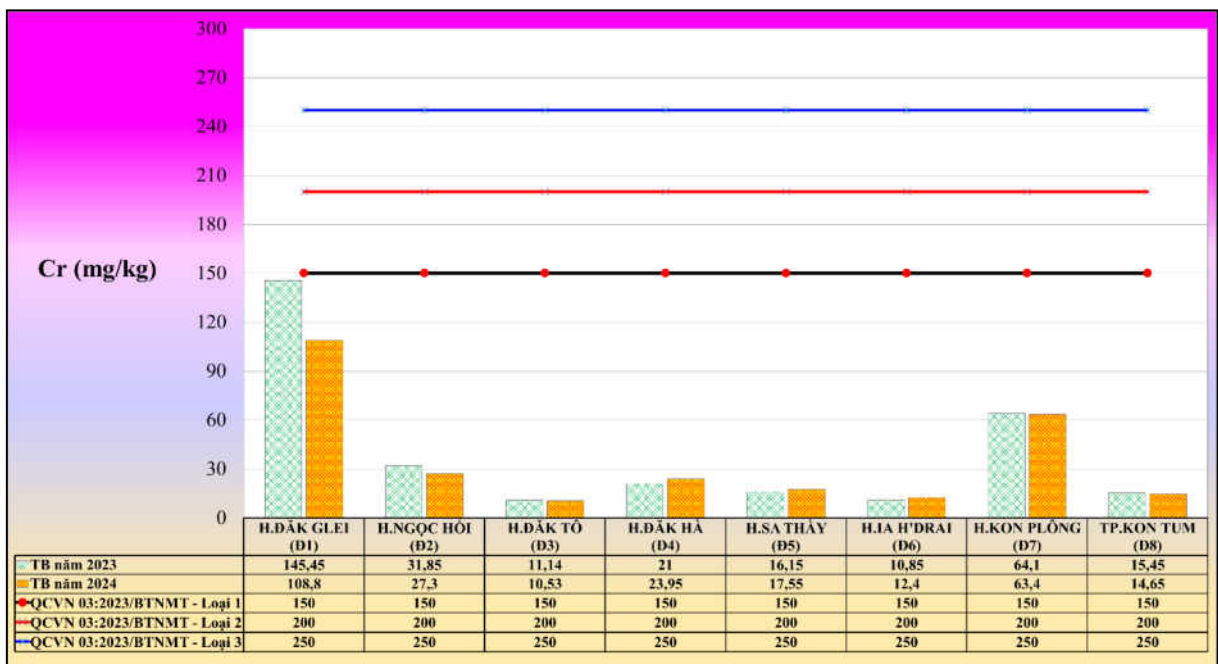
QCVN 03:2023/BTNMT – Loại 1 (Riêng vị trí Đ₁ có giá trị thông số Cr tương đối cao nhưng vẫn thấp hơn khi so sánh với quy chuẩn). Như vậy, chất lượng đất tại thời điểm quan trắc đảm bảo cho mục đích nông nghiệp đối với các thông số quan trắc.

b) Diễn biến và biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định

Diễn biến chất lượng môi trường đất khi thực hiện so sánh kết quả quan trắc các thông số trung bình năm 2024 với trung bình năm 2023⁽³⁾ như sau:

Bảng 12. Diễn biến chất lượng môi trường đất trung bình năm 2024 so với năm 2023

Biến động	Số điểm biến động (điểm)					
	Cu	Cd	Zn	Pb	As	Cr
Tăng	08/08	07/08	03/08	03/08	06/08	03/08
Giảm	00/08	01/08	05/08	05/08	02/08	05/08
Không thay đổi	00/08	00/08	00/08	00/08	00/08	00/08



Biểu đồ 10: Diễn biến thông số Cr trung bình năm 2023 - 2024

* Nhận định diễn biến các thông số ô nhiễm so với năm trước:

Chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh so với năm trước có biến đổi tuy nhiên không đáng kể (thông số Cu, Cd, As hầu như biến động tăng, thông số Cu, Cd, As biến động giảm tại đa số các vị trí quan trắc). Người dân cần có kế hoạch canh tác, cải tạo đất và sử dụng phân bón một cách hiệu quả, hợp lý, đảm bảo vừa cung cấp đủ dưỡng chất cho đất, vừa bảo vệ chất lượng môi trường đất và phòng tránh vấn đề thoái hóa đất, ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

⁽³⁾Thông số hóa chất bảo vệ thực vật nhóm clo hữu cơ: Năm 2023 không thực hiện quan trắc nên không có số liệu để so sánh.

5. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Số lượng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học: Tỉnh Kon Tum có 03 khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN), gồm: Vườn Quốc gia (VQG) Chư Mom Ray; Khu BTTN Ngọc Linh và Rừng đặc dụng (RĐĐ) Đăk Uy (*được quy hoạch là Khu bảo tồn loài và sinh cảnh*).

- Diện tích tự nhiên của VQG Chư Mom Ray: 56.257,16 ha ; Khu BTTN Ngọc Linh: 37.548,52 ha và RĐĐ Đăk Uy: 538,38 ha.

- Diện tích Khu BTTN Ngọc Linh có sự thay đổi tăng so với đánh giá năm 2023 là 71,67 ha (*lý do: tiếp nhận diện tích rừng do UBND xã bàn giao cho chủ rừng theo Quyết định 1047/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Kon Tum là 78,33 ha; chuyển từ đất lâm nghiệp sang đất chuyên dùng Đội KLCĐ&PCCCR số 2 theo Quyết định 939/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh là 0,64 ha; thu hồi thực hiện dự án Thủy điện Đăk Mi 1 theo Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Đăk Glei là 6,02 ha*); diện tích VQG Chư Mom Ray và RĐĐ Đăk Uy không thay đổi so với đánh giá năm 2023.

- Năm 2024 chưa có nghiên cứu, điều tra hiện trạng đa dạng sinh học tại VQG Chư Mom Ray, Khu BTTN Ngọc Linh, RĐĐ Đăk Uy nên không có cơ sở đánh giá sự thay đổi danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN và các nguồn gen quý hiếm trên địa bàn.

II. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương⁽⁴⁾

a) Về phát triển kinh tế

- Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản:

+ Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt được 76.573 ha, tăng 0,52% (+395,9 ha) so với năm trước; diện tích cây lâu năm là 138.494 ha, tăng 6,14% (+8.012 ha) so với năm trước.

+ Về chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Trong đó, chăn nuôi trâu, bò tăng so với năm trước; Chăn nuôi lợn, gia cầm phát triển mạnh theo hướng tập trung, qui mô lớn. Tổng đàn trâu 25.000 con, tăng 3,69% (+890 con) so với năm trước; tổng đàn bò hiện có 100.015 con, tăng 17,5% (+14.895 con) so với năm trước; tổng đàn lợn hiện có 220.000 con, tăng 25,85% (+45.186 con) so với năm trước.

+ Về lâm nghiệp: Thực hiện trồng rừng 3.277,89 ha (đạt 109,26% so với kế hoạch); Sâm Ngọc Linh 500 ha (đạt 100% so với kế hoạch); dược liệu khác 2.705 ha (đạt 173,4% so với kế hoạch); khai thác gỗ 21.879,06 m³; khai thác lâm sản ngoài gỗ: 45.500 kg nhựa thông, 16,5 tấn Culy và 2.700 cây Lồ ô. Trên địa bàn tỉnh xảy ra 13 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích thiệt hại là 7,536 ha.

⁽⁴⁾ Số liệu theo Báo cáo số 01/BC-CTK ngày 01/01/2025 của Cục Thống kê tỉnh Kon Tum.

+ Về thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản là 1.018 ha, tăng 6,60% (+63 ha), so với năm trước; lượng thủy sản khai thác đạt 8.425 tấn, tăng 4,14% (+343 tấn) so với năm trước.

- Công nghiệp và Xây dựng:

+ Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tăng 8,89% so với năm trước, trong đó: nhóm ngành khai khoáng sản tăng 14,28%; nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,13%; ngành sản xuất phân phối điện tăng 8,64%, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,02%.

+ Về xây dựng: Công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị, xây dựng các khu dân cư, tiếp tục được quan tâm thực hiện; giá trị sản xuất năm 2024 ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo giá hiện hành ước đạt 21.166 tỷ đồng, tăng 9,58% so với năm trước.

- Về hoạt động thương mại, dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 39.273,19 tỷ đồng, tăng 14,88%. Riêng doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 32.749,89 tỷ đồng, chiếm 83,39% trong tổng số, tăng 14,44%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch đạt 3.946,91 tỷ đồng, chiếm 10,05% trong tổng số, tăng 15,92%; doanh thu dịch vụ khác đạt 2.576,38 tỷ đồng, chiếm 6,56% trong tổng số tăng 19,07%.

- Vận tải hành khách: Vận chuyển hành khách tăng 14,73%, luân chuyển hành khách tăng 15,34%; vận chuyển hàng hóa tăng 14,51%, luân chuyển hàng hóa tăng 12,98%.

- Về kế hoạch thực hiện đầu tư phát triển: vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum ước tính đạt 27.560 tỷ đồng, tăng 18,58% so với năm trước.

b) Về văn hóa, xã hội

- Sơ bộ dân số trung bình năm 2024 tỉnh Kon Tum là 601.817 người, khu vực thành thị 194.835 người chiếm 32,37%; khu vực nông thôn 406.982 người, chiếm 67,63%. Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 8,02%, đứng thứ 24 cả nước và cao nhất trong khu vực Tây Nguyên.

- Về giáo dục: Thực hiện tốt công tác huy động học sinh ra lớp đầu năm học 2024-2025. Công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên cũng được tăng cường. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT chuyển sang học nghề đạt 35,03%.

- Về y tế: Ngành Y tế đã thực hiện tốt công tác chuyên môn, công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai tích cực, chủ động, các dịch bệnh trên người được kiểm soát tốt; công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Về văn hóa: Công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch tiếp tục được triển khai; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm, duy trì.

2. Các tác động chính đến môi trường

- Nước thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư: Tất cả các đô thị trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ thoát ra các lưu vực sông, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Vấn đề phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn: Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa được triển khai theo lộ trình, phần lớn vẫn được thu gom hỗn hợp đưa về bãi chôn lấp hoặc nhà máy xử lý rác thải, dẫn đến hiệu quả xử lý thấp; hoạt động tái chế chất thải rắn sinh hoạt (CTRSR) còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát; phương thức xử lý chủ yếu vẫn là chôn lấp, các bãi chôn lấp tồn tại từ lâu, chưa hợp vệ sinh; trên địa bàn tỉnh chưa có các dự án chất thải được xử lý kết hợp thu hồi năng lượng.

- Hạ tầng các cụm công nghiệp (CCN) đã được đầu tư nhưng còn khiêm tốn. Nhiều CCN chưa đầu tư đồng bộ về hạ tầng bảo vệ môi trường (BVMT), chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung; một số khu công nghiệp, CCN đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng hoạt động không hiệu quả (bị hư hỏng) hoặc không có nước thải để xử lý. Mặc dù các cơ sở sản xuất đã quan tâm đến việc thực hiện các giải pháp xử lý, tuy nhiên mùi hôi phát sinh từ các cơ sở sản xuất chế biến mùn cao su, tinh bột sắn... xử lý chưa triệt để gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Môi trường nông thôn đứng trước nhiều áp lực như: chưa có hệ thống xử lý nước thải, rác thải được thu gom, xử lý bằng hình thức chôn lấp tại chỗ; hoạt động chăn nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình nằm trong các khu vực dân cư không đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường; công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật tại đồng ruộng, khu vực trồng trọt... chưa triệt để.

- Nhiều công trình thủy điện, điện năng lượng mặt trời, điện gió được đầu tư, đóng góp cho ngân sách tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quá trình đầu tư làm ảnh hưởng đến rừng tự nhiên, thay đổi lưu lượng, dòng chảy tự nhiên, tăng lưu lượng nước mùa lũ và giảm lưu lượng mùa kiệt.

- Tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu đã tác động đến môi trường ngày càng rõ nét hơn, thể hiện qua các hiện tượng thiên tai bất thường (*các trận bão, mưa lớn, lũ lụt, lũ quét, hạn hán...*).

III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường

1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

a) Tỷ lệ các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (CCN), làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT theo quy định

- Khu kinh tế (KKT); Khu công nghiệp (KCN)

Trên địa bàn tỉnh, hiện có 01 Khu kinh tế (*KKT Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi*), 02 KCN (*KCN Sao Mai quy mô 150 ha; KCN Hòa Bình quy mô 60 ha*) đang hoạt động. Trong đó: KCN Hòa Bình đã đầu tư hoàn chỉnh các

mương thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung với quy mô công suất 500 m³/ngày đêm và lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý. Khu công nghiệp Sao Mai đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tuy nhiên chưa hoạt động do chưa có nước thải đầu nối vào hệ thống để xử lý.

Tỷ lệ khu công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT đạt 100% (*xét đánh giá hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Bình*).

- **Cụm công nghiệp:**

Hiện nay đã có 08 CCN đi vào hoạt động, các CCN trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng gắn với các công trình BVMT. Trong đó: CCN Đắk La đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên việc vận hành hệ thống xử lý không thường xuyên do không có nguồn nước thải (phụ thuộc vào mùa vụ sản xuất của các Nhà máy trong CCN); các CCN còn lại (Cụm CN-TTCN Thanh Trung; CCN-TTCN làng nghề H'nor; Cụm CN-TTCN Hòa Bình; CCN Đắk Mar, huyện Đắk Hà; CCN và dịch vụ 24/4; Cụm CN-TTCN xã Đắk Xú, huyện Ngọc Hồi; Cụm CN-TTCN, làng nghề thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà) chưa được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tỷ lệ các CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT đạt 12,5%.

- Đối với các làng nghề: Hiện nay, tỉnh Kon Tum chưa có làng nghề nào đạt tiêu chuẩn làng nghề theo quy định. Các làng nghề được hình thành dưới hình thức là làng có nghề, chủ yếu tự phát theo từng hộ gia đình; các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa nhiều, nên chưa gây ra ô nhiễm môi trường làng nghề.

b) Tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, xử lý tập trung đạt yêu cầu về BVMT

- **Nước thải đô thị:**

Trên địa bàn tỉnh có 08 đô thị đã được công nhận và phân loại, bao gồm: 01 đô thị loại II (*thành phố Kon Tum*), 01 đô thị loại IV (*thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi*) và 06 đô thị loại V (*thị trấn Đắk Gle, huyện Đắk Gle; thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô; thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà; thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy; thị trấn Đắk Rê, huyện Kon Rẫy; thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông*). Ngoài ra còn có 03 trung tâm huyện bao gồm: Khu vực Trung tâm huyện Tu Mơ Rông; khu vực Đắk Ruồng - Tân Lập thuộc huyện Kon Rẫy; khu vực trung tâm huyện Ia H'Drai đang đầu tư xây dựng để dần đảm bảo các tiêu chí đô thị loại V và thực hiện các thủ tục để xem xét công nhận loại đô thị theo quy định.

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại các đô thị trên địa bàn tỉnh khoảng 33.512 m³/ngày đêm, lượng nước thải phát sinh chủ yếu được xử lý bằng các công trình tại chỗ (bể tự hoại). Hầu hết, các đô thị trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, riêng

thành phố Kon Tum hiện đang lập hồ sơ đầu tư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu thành phố Kon Tum, hợp phần: hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Kon Tum từ vốn ODA (*chính phủ Phần Lan*) và vốn đối ứng.

Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường trên địa bàn tỉnh là 0%.

- Nước thải sinh hoạt nông thôn:

Tại địa bàn nông thôn của tỉnh đều chưa xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, nước thải hiện nay được xử lý sơ bộ thấm vào đất hoặc thoát ra các lưu vực sông suối.

c) Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định

Đối với hệ thống quan trắc nước thải: Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 22 cơ sở lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải liên tục tự động truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong đó có 12 cơ sở⁽⁵⁾ thuộc đối tượng bắt buộc đã thực hiện việc lắp đặt theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT, các cơ sở còn lại thuộc đối tượng khuyến khích. Hệ thống quan trắc nước thải tự động ghi nhận, theo dõi, truyền dữ liệu quản lý từ xa các thông số môi trường nước như pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amonia, lưu lượng nhằm đánh giá chất lượng cũng như lưu lượng xả thải vào nguồn nước của các cơ sở ra môi trường bên ngoài.

Đối với hệ thống quan trắc khí thải tự động: Trên địa bàn tỉnh có 03 cơ sở⁽⁶⁾ thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động, trong đó: 02/03 cơ sở đã kết nối dữ liệu, truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường⁽⁷⁾; 01/03 cơ sở chưa đầu tư.

d) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn tỉnh

Trên địa bàn tỉnh có 27 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày trở lên, trong đó có 24 cơ sở đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tỷ lệ đạt 88,89%.

**** Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm chi tiết tại Phụ lục I kèm theo***

⁽⁵⁾ 11/11 cơ sở, dự án, gồm: Nhà máy đường Kon Tum; Nhà máy sản xuất cồn và tinh bột sắn Đắk Tô; Nhà máy tinh bột sắn Kon Tum - Chi nhánh Công ty CP TBS Phú Yên; Nhà máy chế biến tinh bột sắn 100 tấn/ngày - Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum; Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sa Nhơn - Công ty CP XNK nông sản Vi Na; Nhà máy tinh bột sắn tại huyện Kon Rẫy - Công ty CP Fococcev Tây Nguyên; Nhà máy chế biến TBS 230 tấn thành phẩm/ngày đêm - Công ty TNHH MTV ĐTPTNN Ia H'Drai; Nhà máy tinh bột sắn Tây Nguyên Đắk Hà - Công ty TNHH tinh bột sắn Tây Nguyên Đắk Hà; Nhà máy chế biến tinh bột từ nông sản - Công ty Cổ phần Phương Hoa; Nhà máy chế biến mù cưa cao su APT Kon Tum - Công ty TNHH SX-DV-TM An Phú Thịnh Kon Tum; Khu công nghiệp Hòa Bình; Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum.

⁽⁶⁾ Nhà máy đường Kon Tum - Công ty cổ phần Đường Kon Tum; Nhà máy cồn và tinh bột sắn Đắk Tô - Chi nhánh Công ty cổ phần nông sản thực phẩm Quảng Ngãi; Nhà máy xử lý rác Đắk Hà - Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Môi trường DH.

⁽⁷⁾ Nhà máy đường Kon Tum - Công ty cổ phần Đường Kon Tum; Nhà máy chế biến cồn và tinh bột sắn Đắk Tô.

e) Các nguồn ô nhiễm khác

- Hoạt động khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng

Luỹ kế đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh có 64 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực, gồm: 12 giấy phép đá xây dựng; 42 giấy phép khai thác cát (khai thác cát sỏi lòng sông); 03 giấy phép đất san lấp; 04 giấy phép đất sét; 01 giấy phép đá Quazit; 01 giấy phép Sunfua đa kim; 01 giấy phép vàng gốc. Đa số các điểm mỏ khai thác khoáng sản cát làm VLXD thông thường chưa được quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất khu vực tập kết, đường giao thông kết nối,... Tình trạng lấn chiếm, sử dụng bãi bồi lòng sông, suối để tập kết khoáng sản, đổ thải làm thay đổi dòng chảy là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng sạt lở bờ sông, suối⁽⁸⁾. Một số điểm mỏ khai thác khoáng sản đá làm VLXD thông thường, khu vực tập kết đá làm VLXD thông thường không cắm mốc ranh giới khu vực được cấp phép khai thác, không che chắn để phát tán bụi ô nhiễm⁽⁹⁾.

- Hoạt động chăn nuôi

Hiện nay có 22 cơ sở chăn nuôi hoạt động trên địa bàn tỉnh (quy mô trang trại). Mặc dù, một số cơ sở chăn nuôi áp dụng công nghệ cao (nuôi chuồng lạnh, đệm lót sinh học,...), đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải (xử lý bằng bể biogas) tuy nhiên quá trình hoạt động phát sinh một số sự cố làm phát sinh mùi hôi và nước thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2. Quản lý chất thải và phế liệu

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

- Năm 2024, tổng khối lượng CTRSH trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 330 tấn/ngày. Trong đó: Chất thải rắn sinh hoạt đô thị khoảng 136 tấn/ngày, chất thải rắn sinh hoạt nông thôn khoảng 194 tấn/ngày.

- Về thu gom CTRSH: CTRSH được Công ty môi trường đô thị/Trung tâm môi trường và dịch vụ đô thị của các huyện, thành phố thu gom vận chuyển về các khu xử lý. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý địa bàn tỉnh khoảng 87% (bao gồm CTRSH được người dân chôn lấp hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, phân bón cho cây, bán phế liệu như chai nhựa, thủy tinh, giấy,...), còn lại là chưa xử lý.

- Về xử lý CTRSH:

⁽⁸⁾ Các điểm mỏ khai thác khoáng sản cát, đá làm VLXD của Công ty TNHH MTV Thạch Anh Sa tại thị trấn Đắk Glei và xã Kroong, huyện Đắk Glei; Điểm mỏ khai thác khoáng sản cát, đá làm VLXD của Công ty TNHH Xây dựng Đức Tiến Đắk Glei tại thôn Đông Lốc, xã Đắk Man và thị trấn Đắk Glei; Đầu tư khai thác khoáng sản cát xây dựng - Điểm số 5 trên sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum của Công ty TNHH Thanh Sơn; Đầu tư khai thác khoáng sản cát xây dựng điểm mỏ số 3 trên sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum của Công ty TNHH Thanh Tuấn; ...

⁽⁹⁾ Điểm mỏ khoáng sản đá, đất làm VLXD tại xã Đắk Nông của Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Quân; Các điểm mỏ khai thác khoáng sản cát, đá làm VLXD của Công ty TNHH MTV Thạch Anh Sa tại thị trấn Đắk Glei và xã Kroong huyện Đắk Glei; Điểm mỏ khai thác khoáng sản cát, đá làm VLXD của Công ty TNHH Xây dựng Đức Tiến Đắk Glei tại thôn Đông Lốc, xã Đắk Man và thị trấn Đắk Glei; ...

+ Từ đầu năm đến nay có bãi rác tập trung huyện Ia H'Drai được xây mới và đã đi vào hoạt động giai đoạn 1. Các công trình xử lý CTRSH đang hoạt động trên địa bàn tỉnh gồm: 01 Nhà máy xử lý chất thải rắn thuộc huyện Đăk Hà, xử lý CTRSH bằng phương pháp đốt, phân vi sinh và chôn lấp và 06 bãi chôn lấp CTRSH thuộc các huyện Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai. Tuy nhiên bãi chôn lấp thuộc huyện Ngọc Hồi và huyện Đăk Glei bị quá tải và xuống cấp, gây ô nhiễm môi trường; hiện UBND huyện Ngọc Hồi đã xây dựng và chuẩn bị đưa vào vận hành khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi công suất 40 đến 50 tấn/ngày đêm tại xã Đăk Kan; UBND huyện Đăk Glei đầu tư xây dựng Bãi xử lý rác thải tại thôn Đăk Tung, thị trấn Đăk Glei, hiện thi công được 60% khối lượng công việc, các hạng mục còn lại chưa được triển khai do khó khăn về nguồn vốn.

+ Thành phố Kon Tum, huyện Sa Thầy hiện chưa có khu xử lý CTRSH riêng của địa phương (được phép hoạt động), CTRSH tại các khu vực này được thu gom và hợp đồng với Nhà máy xử lý chất thải rắn thuộc huyện Đăk Hà để xử lý.

+ Đối với khu xử lý CTRSH trên địa bàn huyện Kon Rẫy: Bãi rác tại thôn 5 thị trấn Đăk Rve hiện đã ngừng hoạt động do quá tải và gây ô nhiễm môi trường. Công tác đầu thầu thu gom, vận chuyển và xử lý CTR không có nhà thầu tham gia nên CTR trên địa bàn huyện được chứa tạm thời tại khu mỏ đá cũ thôn 12, xã Đăk Ruồng. UBND huyện đang kêu gọi đầu tư, lập dự án xin chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác bằng công nghệ đốt 200 tấn/ngày, thay thế dần cho công nghệ chôn lấp.

Nhìn chung, hầu hết chất thải rắn trên địa bàn tỉnh chưa được phân loại tại nguồn, chất thải rắn được xử lý theo hình thức chôn lấp là chủ yếu, nhiều bãi chôn lấp bị quá tải không hợp vệ sinh phát sinh ruồi, muỗi, phát tán mùi hôi. Một số khu vực nông thôn ở vùng sâu, vùng xa chưa có đội thu gom hoặc thu gom chưa thường xuyên, hầu hết lượng chất thải này được người dân tự thu gom xử lý nên dẫn đến rác thải gây ô nhiễm môi trường cục bộ và làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực. Tỷ lệ chất thải xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT khoảng 60%.

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Số liệu về tổng lượng CTRCNTT trên địa bàn tỉnh chưa được thống kê cụ thể do hầu hết khối lượng CTRCNTT được các cơ sở thu gom tái sử dụng, tái chế cho một số mục đích như: làm nhiên liệu đốt (ngành chế biến nông, lâm sản), làm phân hữu cơ (ngành chăn nuôi) hoặc san lấp mặt bằng (các ngành chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng,...) và đưa về xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị chuyên xử lý CTRCNTT; CTRCNTT phát sinh không tận dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển đến các nhà máy xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt để xử lý.

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

Trên địa bàn tỉnh, không có đơn vị xử lý chất thải nguy hại. Lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được các cơ sở thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng ngoài tỉnh để thu gom và xử lý (*hợp đồng với các đơn vị như: Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh, Công ty TNHH TM&XD An Sinh, Công ty cổ*

phần Cơ - Điện – Môi trường LiLaMa); một số cơ sở phát sinh khối lượng ít sẽ được lưu tại các kho chứa chất thải nguy hại tại các cơ sở.

d) Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn:

Tổng số cơ sở y tế trên toàn tỉnh: 464 cơ sở. Trong đó: Cơ sở y tế công lập 123 cơ sở; cơ sở y tế tư nhân 341 cơ sở.

Khối lượng chất thải nguy hại y tế phát sinh khoảng 120,203 tấn/năm. Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm phát sinh khoảng 119,085 tấn/năm được thu gom và đưa về xử lý tại Cụm xử lý chất thải rắn y tế nguy hại lây nhiễm Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi, Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng và khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại lây nhiễm của Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại lây nhiễm đạt 100%. Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm được các cơ sở y tế phát sinh hợp đồng với Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh và Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LiLaMa để xử lý; tại một số đơn vị do lượng chất thải ít nên đang lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải của đơn vị, chờ xử lý.

e) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

Theo báo cáo của Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum, trên địa bàn tỉnh Kon Tum từ đầu năm đến nay không phát sinh mặt hàng phế liệu nhập khẩu.

f) Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu: Phụ lục II kèm theo

3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

a) Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (lưu vực sông, nước mặt, nước dưới đất,...):

- Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao tại Kế hoạch số 4340/KH-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về Điều tra cơ bản tài nguyên nước tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 3602/KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh về kiểm kê tài nguyên nước (nguồn nước mặt nội tỉnh) tỉnh Kon Tum giai đoạn đến năm 2025.

- Tiếp tục duy trì chương trình quan trắc định kỳ được phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh; vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Quản lý, cải thiện chất lượng không khí:

Từ năm 2020 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giải pháp để kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý ô nhiễm; hướng dẫn kiểm tra thực hiện các biện pháp hạn chế phát sinh khí thải trong các hoạt động như giao thông, xây dựng, đốt chất thải y tế, sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp...

c) Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký

quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường năm 2024:

Từ đầu năm đến nay đã có 63 đơn vị nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường với số tiền 2.975.951.165 đồng vào tài khoản ký quỹ của Sở Tài nguyên và Môi trường, hầu hết các đơn vị đã nộp tiền ký quỹ theo đúng quy định. Hiện còn một số đơn vị nợ tiền ký quỹ trong năm, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành văn bản thông báo các doanh nghiệp, trường hợp không thực hiện nộp tiền ký quỹ theo đúng quy định, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 58 và điểm a khoản 2 Điều 55 của Luật Khoáng sản năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu UBND tỉnh thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản của các cơ sở khai thác khoáng sản theo quy định.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong năm; kết quả xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường; kết quả thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường

- Về xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3590/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 về Ứng phó sự cố chất thải của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2024-2030. Theo đó, giao các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong công tác ứng phó sự cố đảm bảo mục tiêu tập trung, thống nhất trong quản lý nhà nước về ứng phó khắc phục sự cố chất thải; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, ứng phó, khắc phục hậu quả kịp thời; vận dụng, thực hiện tốt phương châm “Bốn tại chỗ”, chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhanh, hiệu quả...

- Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong mùa mưa bão năm 2024, UBND tỉnh đã có Văn bản chỉ đạo số 2582/UBND-NNTN ngày 21 tháng 7 năm 2024, chỉ đạo địa phương chủ động rà soát, kiểm tra thường xuyên khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường nhất là các lưu vực sông, hồ, khu vực lưu chứa chôn lấp chất thải, khu vực khai thác khoáng sản để kịp thời phát hiện, cảnh báo; các sở, ban, ngành, địa phương trên cơ sở nhiệm vụ được giao chủ động ngăn chặn xử lý kịp thời các sự cố về chất thải y tế; kiểm tra rà soát hồ chứa nước của các nhà máy thủy điện, đập hồ chứa các công trình thủy lợi có nguy cơ sạt lở hoặc vỡ đập do mưa lớn, lũ lụt; tham mưu chỉ đạo ứng phó sự cố, huy động lực lượng, thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường kịp thời, bảo đảm theo đúng quy định.

b) Thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn:

Từ đầu năm đến nay, đã tiếp nhận và giải quyết 05 thông tin phản ánh liên quan đến tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Trong đó:

+ Thông tin phản ánh trên Báo chí: có 03 thông tin phản ánh⁽¹⁰⁾:

⁽¹⁰⁾ Báo người lao động ra số ngày 23 tháng 4 năm 2024 có bài “Dự án thủy điện đổ các nghìn khối đất xuống sông ở miền núi Kon Tum”; Tạp chí điện tử Môi trường và cuộc sống số ra ngày 19 tháng 7 năm 2024 “Kon Tum: Người dân bức xúc vì Trang trại lợn gây ô nhiễm môi trường tại xã Kroong”; Báo điện tử văn hóa số ra

+ Thông tin phản ánh của cử tri, doanh nghiệp: có 02 thông tin phản ánh⁽¹¹⁾.

- Kết quả xử lý như sau: Các phản ánh đã được kiểm tra, xác minh và giải quyết theo thẩm quyền hoặc có văn bản đề nghị địa phương kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền, các kết quả xử lý đều được tổng hợp, trả lời cho cử tri, cơ quan báo chí. Công tác khắc phục đã được các cơ sở triển khai thực hiện, không còn nội dung phản ánh.

5. Báo cáo kết quả về việc di dời dân cư sinh sống trong khu vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp: Không có.

6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

Thực hiện Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị chủ rừng triển khai các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng, tăng cường công tác bảo vệ các loài động vật thực vật hoang dã, đặc biệt là các loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm trên lâm phần quản lý. Đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân trong bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ động vật rừng; phối hợp với đơn vị, chính quyền địa phương trên địa bàn quản lý thường xuyên tổ chức các đợt tuần tra, truy quét kết hợp tháo gỡ bẫy động vật hoang dã trong rừng và theo dõi giám sát, kiểm tra các cơ sở nuôi động vật rừng các nhà hàng, quán ăn có kinh doanh động vật rừng nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp, góp phần bảo vệ, phục hồi và bảo tồn giá trị đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh nói chung và các khu bảo tồn thiên nhiên hiện có trên địa bàn tỉnh nói riêng.

Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Kế hoạch hành động số 1034/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm

ngày 12 tháng 01 năm 2024 “mặc dù chưa chuyển mục đích sử dụng đất, không nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho trang trại nhưng bà Trần Thị Hằng (trú huyện Ngọc Hồi) vẫn ngang nhiên xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng trang trại chăn nuôi trái phép ở xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi (Kon Tum)”, đối với phản ánh này hiện UBND huyện Ngọc Hồi đang tiếp tục giải quyết.

⁽¹¹⁾ Phản ánh của UBND huyện Đăk Hà về nhà máy xử lý chất thải rắn Đăk Hà hoạt động phát tán mùi hôi ảnh hưởng đến đời sống của người dân; phản ánh của Công ty thủy điện IaLy về việc hồ thủy điện IaLy có màu xanh đậm, nổi váng và có mùi hôi xung quanh khu vực cầu Đông Hưng, xã YaLy.

2022 của UBND tỉnh về đa dạng sinh học tỉnh Kon Tum đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời tham mưu triển khai thực hiện Dự án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng mất rừng, từng bước khôi phục, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Qua đó góp phần quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; phối hợp với tổ chức FFI tiếp tục triển khai dự án Bảo tồn đa dạng sinh học rừng Kon Plông, tỉnh Kon Tum (*giai đoạn 2024 - 2025*) góp phần bảo tồn lâu dài các loài động, thực vật nguy cấp quý hiếm, duy trì cảnh quan bền vững và thúc đẩy phát triển sinh kế cho một số cộng đồng liên kề khu vực rừng của huyện Kon Plông.

Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có Vườn Quốc gia Chư Mom Ray và Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh được Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á trao danh hiệu Vườn di sản ASEAN.

- Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học: *Tại Phụ lục IV kèm theo.*

IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT

1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện

a) Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về BVMT trường, cụ thể:

- Kế hoạch số 171-KH/TU ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04-6-2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Kế hoạch số 4745/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ việc về ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Kế hoạch số 3590/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 07 tháng 10 năm 2024 về ứng phó sự cố chất thải của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2024 - 2030.

- Kế hoạch số 3103/KH-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Văn bản số 591/UBND-NNTN ngày 20 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh về phối hợp hưởng ứng Năm phục hồi đa dạng sinh học Quốc gia 2024.

- Văn bản số 1366/UBND-NNTN ngày 22 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt; Văn bản 2894/UBND-NNTN ngày 15 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh về tiếp tục tăng cường đẩy mạnh công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Văn bản số 4443/UBND-NNTN ngày 11 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc triển khai xây dựng Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, thành phố.

- Văn bản số 1688/UBND-NNTN ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế đa dạng sinh học năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 2716/UBND-NNTN ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh; Văn bản số 4272/UBND-NNTN ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 3668/UBND-NNTN ngày 14 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Văn bản số 4131/UBND-NNTN ngày 17 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh về việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường của quốc gia trên địa bàn: Hiện nay, Quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2724/UBND-NNTN ngày 31 tháng 7 năm 2024 tổ chức triển khai thực hiện.

b) Đánh giá chung công tác xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật do địa phương ban hành, những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong việc thực thi pháp luật

Công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT ngày càng hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ và đồng bộ cho việc triển khai công tác BVMT trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai Luật BVMT, trong đó các vấn đề liên quan đến quản lý chất thải rắn, đa dạng sinh học, phòng ngừa sự cố chất thải... được quan tâm chỉ đạo. Các văn bản được ban hành cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương đã giúp công tác BVMT trên địa bàn tỉnh từng bước đi dần vào nề nếp.

- Tồn tại:

Việc ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong công tác BVMT trên địa bàn tỉnh còn nhiều vướng mắc, chưa thể triển khai, đang xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nguyên nhân:

+ Trong quá trình triển khai thi hành Luật BVMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phát sinh nhiều vướng mắc nhưng chưa được hướng dẫn, sửa đổi kịp thời nên chưa có cơ sở để địa phương xây dựng và ban hành các quy định cụ thể, như: (1) Ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn (*điểm c khoản 2 Điều 58*); (2) Ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật (*khoản 7 Điều 72*); (3) Có chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân (*khoản 2 Điều 75*); (4) Ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải (*điểm c khoản 5 Điều 86*); (5) Ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung (*điểm d khoản 5 Điều 86*).

+ Hơn nữa, lĩnh vực môi trường khá rộng, liên quan đến hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, công tác thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cần nguồn lực lớn về con người, thời gian giải quyết kịp thời và kinh phí đầu tư trong khi đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp còn hạn chế về số lượng, kinh phí thực hiện chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế để triển khai tốt công tác BVMT.

2. Giải quyết thủ tục hành chính

- Thực hiện Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực BVMT; năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt 09 Báo cáo ĐTM và 14 giấy phép môi trường (GPMT) (cập nhật tại phụ lục).

- Thủ tục hành chính cấp huyện: UBND cấp huyện đã cấp 63 giấy phép môi trường.

(Hồ sơ TTHC được phê duyệt, cấp phép trong năm tại Phụ lục V kèm theo)

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện niêm yết công khai thông tin về môi trường thông qua các trang mục trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường: (1) công khai Giấy phép môi trường, (2) công khai Quyết định phê duyệt Kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), (3) tham vấn đánh giá tác động môi trường và công khai báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường (GPMT).

- Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong giải quyết thủ tục hành chính:

Hầu như toàn bộ các thủ tục được xử lý đúng và sớm hạn, chưa phát sinh phản ánh của các tổ chức, cá nhân về việc giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực môi trường. Tuy nhiên, số lượng giấy phép môi trường còn thấp, một trong những nguyên nhân đó là các cơ sở chưa quan tâm đến việc phải hoàn thành giấy phép môi trường trước 31 tháng 12 năm 2024; nhất là những cơ sở có quy mô phát thải ít, thời gian hoạt động ngắn (*thuộc đối tượng lập giấy phép môi trường theo quy định của Luật BVMT 2020 hiện nay*), đối với những cơ sở này Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quy định lại mức độ phát sinh chất thải (cận dưới) để không gây lãng phí, tốn thời gian làm thủ tục môi trường của nhà đầu tư.

3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

a) Hoạt động giám sát về môi trường:

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Năm 2024, Đoàn giám sát của HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn tỉnh Kon Tum, HĐND tỉnh đã chỉ rõ kết quả đạt được cũng như những tồn tại nguyên nhân trong công tác quản lý môi trường tại Nghị quyết số 55/NQQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Triển khai Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2716/UBND-NNTN ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc triển khai Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh, theo đó chỉ đạo các sở ngành, địa phương liên quan tăng cường công tác quản lý, thực hiện các giải pháp, tổ chức khắc phục các tồn tại trong công tác quản lý môi trường đã nêu tại Nghị quyết. Hầu hết các đơn vị đã xây dựng kế hoạch triển khai, khắc phục.

b) Tình hình tổ chức các hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật

- Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện thành phố đã kiểm tra và phát hiện một số cơ sở có hành vi vi phạm lĩnh vực môi trường, tiến hành xử lý, tham mưu cấp có thẩm quyền xử phạt, cụ thể:

+ Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum đã có hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường với số tiền 90.000.000 đồng.

+ Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần phát triển năng lượng Kon Tum về hành vi lắp đặt đường ống để xả chất thải ra môi trường, số tiền 140.000.000 đồng

+ Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với Cơ sở chăn nuôi của bà Phan Thị Thu Trinh về hành vi đang hoạt động nhưng không có giấy phép môi trường, số tiền 160.000.000 đồng

+ Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển nông nghiệp Ia H'Drai Kon Tum về hành vi không có giấy phép môi trường, số tiền 300.000.000 đồng.

+ Chủ tịch UBND huyện Kon Rẫy xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH nông nghiệp sạch Tây Nguyên về hành vi đã tác động trên một phần diện tích đất nhưng không có hồ sơ môi trường, số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngoài ra trong năm, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Chi cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường miền Trung và Tây Nguyên kiểm tra 05 đơn vị (*Khu công nghiệp Hoà Bình; Khu công nghiệp Sao Mai; Nhà máy chế biến mủ cao su Chư Mom Ray; Nhà máy chế biến mủ cao su Sa Thầy; Nhà máy chế biến mủ cao su Vạn Lợi; Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Lợi*), qua đó phát hiện một số cơ sở đã có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn môi trường, thực hiện không đúng một trong các nội dung Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định. Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ra quyết định xử phạt đối với vi phạm của 04 đơn vị: Nhà máy chế biến mủ cao su Sa Thầy (với số tiền 50.000.000 đồng), Khu công nghiệp Hoà Bình (với số tiền 50.000.000 đồng), Nhà máy chế biến mủ cao su Vạn Lợi (230.000.000 triệu đồng), Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Lợi (70.000.000 triệu đồng).

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

Từ đầu năm đến nay chưa nhận được đơn thư khiếu nại tố cáo liên quan đến lĩnh vực môi trường.

4. Tuyên truyền, giáo dục về BVMT: Kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về BVMT

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng:

- Đã triển khai phổ biến bằng văn bản đến các địa phương và được đăng tải, cập nhật Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Chú trọng tuyên truyền hướng dẫn công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, cụ thể: Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 01 Hội nghị tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn về kỹ thuật phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cho 150 cán bộ công tác tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và 102 xã, phường, thị trấn...; UBND huyện Ngọc Hồi đã tổ chức Hội nghị tập huấn triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện cho hơn 100 cá nhân, tổ chức tham gia, đã triển khai hoạt động thực tế 3 mô hình giảm thiểu rác: phân loại rác tại nguồn; Ủ phân hữu cơ và tái chế rác hữu cơ thành nước tẩy rửa đa dụng tại thị trấn Plei Kần; các địa phương còn lại đã triển khai mô hình thí điểm phân loại rác thải tại nguồn.

- Hướng ứng Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường, Ngày Quốc tế đa dạng sinh học năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh đoàn, UBND huyện Tu Mơ Rông tổ chức lễ phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ và Ngày môi trường thế giới tại Trường tiểu học xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, đã cấp phát 87.240 cây giống (*cây thông, cây hoa anh đào...*) đến các huyện, thành phố, các cơ quan đoàn thể.

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố đã tổ chức thường xuyên hằng năm các hoạt động hướng ứng Ngày Đa dạng sinh học 22/5, Ngày Môi trường thế giới 05/6, Lễ phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ, Ngày Quốc tế bảo vệ tầng Ozon 16/9, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, Phong trào chống rác thải nhựa... bằng các hoạt động thiết thực như: tổ chức lễ mítting, diễu hành hướng ứng, phát hành poster, áo mũ tuyên truyền, treo băng rôn, khẩu hiệu,... đã thu hút đông đảo cán bộ công chức, các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, tham gia trồng cây xanh, thu gom rác thải, nạo vét kênh mương, khơi thông cống rãnh các công trình công cộng, dọn vệ sinh nơi cư trú, cụm dân cư và dọn phát quang dọc các tuyến đường giao thông,... Qua hoạt động của các chiến dịch về BVMT đã từng bước nâng cao nhận thức của cộng đồng, góp phần BVMT ngày càng có hiệu quả.

- Xây dựng nhiều phóng sự, bài viết tuyên truyền về BVMT trên báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Nêu gương những việc làm tốt, người làm tốt các phong trào BVMT tại khu dân cư, góp phần nâng cao nhận thức về BVMT của cộng đồng dân cư, vận động toàn dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường

- Hiện nay, tỉnh Kon Tum chưa xây dựng, lắp đặt và vận hành trạm quan trắc tự động.

- Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 và điều chỉnh tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh. Trên cơ sở số liệu quan trắc hiện trạng môi trường, Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.

- Tiếp tục vận hành hoạt động Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục từ cơ sở sản xuất truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường. Qua theo dõi, hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải từ các cơ sở hiện nay đang hoạt động ổn định.

VI. Điều kiện và nguồn lực về BVMT

1. Nguồn nhân lực (*Số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác BVMT trên địa bàn*)

- Đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường có 06 công chức chuyên trách công tác quản lý môi trường (thuộc Phòng Môi trường); 01 công chức kiêm nhiệm trong công tác thanh tra lĩnh vực môi trường.

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có 01 công chức làm công tác quản lý môi trường thuộc phòng quản lý xây dựng, tài nguyên, môi trường. Ngoài ra, Công ty Đầu tư PTHT Khu kinh tế (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế) bố trí 01 viên chức phụ trách công tác BVMT đối với các KCN

- Tại các địa phương có 10 công chức làm công tác quản lý môi trường tại các Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố và 102 xã, phường, thị trấn đã bố trí, phân công công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã) kiêm nhiệm công tác quản lý môi trường.

2. Nguồn lực tài chính (tổng kinh phí cho các hoạt động BVMT, trong đó nêu rõ kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, xã hội hóa...)

- Tổng chi ngân sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT của địa phương trong năm 2024 là 117,009 tỷ đồng. Tỷ lệ chi thường xuyên ngân sách cho hoạt động sự nghiệp BVMT là 2%.

- Từ đầu năm đến nay, chưa triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực BVMT.

VII. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

- Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê: *Phụ lục A kèm theo.*

- Tổng hợp, báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành: *Phụ lục B kèm theo.*

- Tổng hợp các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả BVMT của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá kết quả công tác BVMT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *Phụ lục C kèm theo.*

VIII. Đánh giá chung

1. Tổng kết, đánh giá chung về chất lượng môi trường trên địa bàn của năm đánh giá; xác định những nguyên nhân, nguồn tác động chính ảnh hưởng đến chất lượng môi trường

Qua kết quả quan trắc chất lượng môi trường toàn tỉnh cho thấy, nhìn chung chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh vẫn ở mức tốt, chưa thấy có điểm quan trắc tăng đột biến so với năm trước. Về cơ bản, các chỉ tiêu chất lượng môi trường đất, nước, không khí nằm trong giới hạn cho phép và một số điểm cải thiện hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng ô nhiễm cục bộ môi trường nước mặt tại một số điểm nơi có hoạt động xả thải công nghiệp, sinh hoạt.

Hiện nay, tỉnh Kon Tum chưa ban hành quy định phân vùng xả nước thải trên địa bàn tỉnh, do đó chưa có cơ sở đánh giá chi tiết chất lượng nước mặt tại từng vị trí quan trắc theo mục đích sử dụng nước.

2. Tổng hợp, đánh giá chung về những kết quả đạt được trong công tác BVMT của năm đánh giá; những vấn đề môi trường hoặc các hoạt động BVMT chính được giải quyết, xử lý; những tồn tại, bất cập, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả đạt được:

- Nhìn chung, công tác BVMT ngày càng được coi trọng, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đều thống nhất quan điểm chỉ đạo không đánh đổi môi trường lấy lợi ích kinh tế. Nhận thức, ý thức BVMT của cộng đồng, người dân, doanh nghiệp ngày càng được nâng lên. Quá trình thẩm định chủ trương đầu tư các dự án luôn coi trọng đến phương án BVMT được xây dựng trong Dự án.

- Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường cho dự án mới được thực hiện đúng trình tự, đảm bảo thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Các dự án có quy mô phát thải lớn được giám sát chặt chẽ, các cơ sở này đã hoàn thành việc kết nối hệ thống quan trắc tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm soát, giám sát. Qua đó, đã góp phần hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn, giữ cân bằng sinh thái, bảo đảm chất lượng môi trường sống và sức khỏe của người dân, cộng đồng

- Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, các sở, ngành và địa phương ban đầu đã tập trung triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm đẩy mạnh công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; đến nay tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên địa bàn toàn tỉnh đã có sự gia tăng so với các năm trước, đạt 87%.

- Công tác kiểm tra, giám sát đã được triển khai một cách thường xuyên. Duy trì đường dây nóng (*trên Website, điện thoại...*) tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của cộng đồng dân cư và phản ánh của báo chí về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Qua đó những sai phạm trong công tác BVMT ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã được chấn chỉnh kịp thời.

- Công tác quan trắc các thành phần môi trường được thực hiện và hoàn thành theo khối lượng công việc đã được phê duyệt, kịp thời phản ánh chất lượng môi trường để các cấp chính quyền ra quyết định quản lý, công khai cảnh báo cộng đồng về chất lượng môi trường để có những biện pháp thích ứng phù hợp.

- Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về BVMT được các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh được chú trọng thực hiện thông qua việc phổ biến các văn bản đến từng đối tượng; tuyên truyền về phân loại quản lý chất thải rắn cũng được các địa phương quan tâm triển khai đến từng thôn bản; triển khai đồng bộ các hoạt động Hưởng ứng các sự kiện về môi trường và đa dạng sinh học năm 2024, Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn,...

b) Những tồn tại, hạn chế:

- Chưa xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu môi trường nền, chưa đầu tư xây dựng được các trạm quan trắc tự động. Chính vì vậy việc đánh giá nhanh cũng

như theo dõi diễn biến chất lượng môi trường liên tục theo thời gian, không gian để giúp cơ quan chức năng cảnh báo kịp thời, đề xuất các biện pháp phù hợp để quản lý và BVMT chưa đáp ứng được theo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Mặc dù công tác quản lý chất thải rắn trong thời gian vừa qua đã được các cấp, ngành quan tâm triển khai thực hiện, tuy nhiên còn bất cập hạn chế, nhất là công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn chưa được người dân thực hiện, các địa phương chưa triển khai đồng bộ, chuẩn hóa trang thiết bị, phương tiện, hạ tầng kỹ thuật trong quá trình lưu giữ, chuyển giao, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải. Do đó, tỷ lệ khối lượng chất thải rắn được tái sử dụng, xử lý đảm bảo yêu cầu về môi trường còn thấp. Chưa ban hành mới giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh⁽¹²⁾ nên gây khó khăn cho việc xây dựng giá dịch vụ để đầu thầu, đặt hàng đối với các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Chất thải rắn sinh hoạt được xử lý theo hình thức chôn lấp là chủ yếu. Nhiều bãi chôn lấp đã bị quá tải, không hợp vệ sinh, phát sinh ruồi, muỗi, phát tán mùi hôi⁽¹³⁾. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa được xử lý triệt để⁽¹⁴⁾, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các bãi rác này vẫn còn diễn ra, tỷ lệ xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến thời điểm báo cáo chỉ đạt 66,7%.

- Việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đã triển khai đến các địa phương, tuy nhiên tỷ lệ thu gom thấp, nhiều địa phương đã tổ chức thực hiện các mô hình thu gom nhưng chưa hợp đồng được với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý đúng quy định, hiện nay mới chỉ có huyện Đắk Tô làm tốt công tác này.

- Về quản lý nước thải đô thị tại các khu vực đô thị đều có các khu dân cư hiện hữu tuy nhiên tại khu đô thị chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; kinh phí đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đô thị cao trong khi loại hình dự án này khó kêu gọi xã hội hóa. Nước thải y tế tại một số cơ sở như Trung tâm Giám định Y khoa, các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn và Phòng khám đa khoa khu vực chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải.

- Vẫn còn một số cụm công nghiệp đang hoạt động nhưng chưa có hồ sơ môi trường, chưa xây dựng hệ thống xử lý chất thải tập trung, một số cụm công nghiệp quy hoạch gần khu dân cư nhưng chưa đảm bảo vành đai cây xanh cách ly nên quá trình hoạt động đã phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải ảnh hưởng đến các hộ dân lân cận. Tuy nhiên, phần lớn là các cụm công nghiệp do nhà nước quản lý nên khó khăn trong công tác xử lý vi phạm, thời gian khắc phục ô nhiễm.

- Về quản lý môi trường chăn nuôi: UBND các huyện, thành phố chưa chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các quy định về khu vực không được phép chăn nuôi theo Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của HĐND

⁽¹²⁾ Đơn giá thu gom, vận chuyển ban hành năm 2017; đơn giá xử lý ban hành năm 2015, năm 2019.

⁽¹³⁾ (1) Bãi xử lý rác thải thị trấn Đắk Rve, huyện Kon Rẫy; (2) Bãi xử lý rác thải thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy; (3) Bãi xử lý rác thải xã Đắk Man, huyện Đắk Glei.

⁽¹⁴⁾ Bãi rác thải huyện Kon Rẫy; Bãi rác huyện Đắk Glei.

tỉnh⁽¹⁵⁾. Nhiều trang trại chăn nuôi heo chưa bảo đảm thủ tục pháp lý về môi trường.

- Tình trạng đổ thải bừa bãi làm ảnh hưởng đất sản xuất của người dân, đất rừng và đất ven sông, suối dễ gây sạt lở, bồi lắng trong mùa mưa bão; tình trạng lấn chiếm, sử dụng bãi bồi lòng sông, suối để tập kết khoáng sản, đổ thải làm thay đổi dòng chảy vẫn còn xảy ra.

- Về tiêu chí môi trường trong thực hiện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao: tiêu chí về đầu tư công trình thu gom xử lý thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung rất khó thực hiện, chưa có chính sách hỗ trợ cho các công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ, mức thu phí của người dân chỉ đủ cho các hoạt động thu gom và chưa có kinh phí cho các hoạt động vận chuyển và xử lý rác thải. Vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền trong vấn đề quản lý, bảo vệ môi trường nông thôn còn chưa thực sự quyết liệt, vẫn còn tư tưởng trông chờ cấp trên chỉ đạo, phân bổ kinh phí mới triển khai thực hiện.

- Việc giám sát thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra chưa nghiêm túc. Vẫn còn tình trạng cơ quan quản lý Nhà nước nhắc nhở nhiều lần nhưng các cơ sở vi phạm về bảo vệ môi trường không xử lý hoặc xử lý không triệt để.

c) Nguyên nhân

- Lĩnh vực môi trường khá rộng, liên quan đến hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, công tác BVMT cần nguồn lực lớn về con người và kinh phí đầu tư; ngân sách tỉnh còn hạn chế nên chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ về môi trường, nhất là trong đầu tư đồng bộ hạ tầng về xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt của các địa phương. Chưa huy động được sự tham gia tích cực của các đơn vị sản xuất kinh doanh, cộng đồng và toàn xã hội trong việc tham gia xã hội hóa các dự án về BVMT. Chưa đa dạng được nhiều nguồn vốn cho công tác BVMT, chưa thu hút và khuyến khích được nhiều thành phần kinh tế tham gia, vốn viện trợ ODA từ nước ngoài rất ít.

- Chi phí đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường khá cao, là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp và người dân trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh; điều này đã dẫn đến một số cá nhân, doanh nghiệp cố tình không thực hiện hoặc thực hiện đối phó đối với công tác BVMT, gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường và khó khăn cho các cơ quan quản lý trong quá trình kiểm tra giám sát.

- Một số sở, ngành, địa phương chưa thực sự chủ động trong công tác phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về BVMT, nhất là giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường và các vụ việc về môi trường. Nhiều địa phương chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ về môi trường, chủ yếu là giải quyết các vụ việc phát sinh; việc xử lý vi phạm còn chưa nghiêm; chưa quan tâm hướng dẫn biện pháp khắc phục và phúc tra vi phạm.

⁽¹⁵⁾ Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yếm và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật BVMT năm 2020 mới được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 02 năm 2025 nên trong năm chưa có căn cứ để xây dựng và ban hành quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, hướng dẫn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp đối với công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ; hướng dẫn kỹ thuật về tái sử dụng, tái chế và sử dụng chất thải làm nguyên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; quy định kỹ thuật về quan trắc nước thải; quy định phục hồi môi trường sau sự cố môi trường... cũng như chưa quy định cụ thể chính sách hỗ trợ cho các công trình xử lý chất thải.

- Năng lực quản lý môi trường các cấp, ngành còn thiếu về kinh nghiệm, số lượng chưa tương ứng với sự phát triển và nhiệm vụ mới về công tác quản lý BVMT theo Luật BVMT năm 2020⁽¹⁶⁾.

IX. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ

a) Mục tiêu:

- Nâng cao năng lực quản lý, ưu tiên biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường; kịp thời phát hiện, chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc, điểm nóng về môi trường, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với BVMT.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về công tác BVMT.

- Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật góp phần đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị và phát triển nông thôn theo hướng hiện đại hóa để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của tỉnh.

- Kiểm soát phòng ngừa các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường nông thôn gắn với thực hiện các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới hướng đến hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Các chỉ tiêu môi trường dự kiến đạt được trong năm 2025:

+ Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (ở đô thị và nông thôn) được thu gom và xử lý đạt 90%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường đạt 85%.

⁽¹⁶⁾ Quản lý tổng hợp chất thải rắn, xử lý nước thải, ứng phó biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, quản lý môi trường đối với các di sản thiên nhiên,...

+ Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 85%.

b) Nhiệm vụ:

- Triển khai việc xây dựng và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 quy định chi tiết nội dung được giao tại các Luật được Quốc hội khoá XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ công tác quản lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng việc các địa phương xây dựng phương án chi tiết đối với công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; sớm ban hành đầy đủ giá dịch vụ thu gom rác tại các hộ gia đình và giá thu gom, vận chuyển và xử lý rác để đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ; chú trọng triển khai đồng bộ công tác phân loại rác tại nguồn trên địa bàn tỉnh theo Luật BVMT. Triển khai các mô hình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các huyện, thành phố; Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp kiểm soát, giảm thiểu rác thải nhựa.

- Triển khai xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định khi cấp phép môi trường. Chỉ cấp phép cho cơ sở hoạt động chính thức khi đã hoàn thành các công trình BVMT, vận hành thử nghiệm đạt quy chuẩn môi trường được xác nhận hoàn thành công trình BVMT của các cơ quan chức năng.

- Tiếp tục thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 về phê duyệt Mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 ngày 19 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030.

- Triển khai xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo công tác BVMT tỉnh Kon Tum năm 2025; Báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường hằng năm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện văn bản số 647/VPCP-NN ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về kết quả triển khai Kế hoạch xử lý ô nhiễm triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 đối với bãi chôn lấp rác thải huyện Đắk Glei; Hoàn thành việc đầu tư xây dựng Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương.

- Tăng cường cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở sản xuất thuộc đối tượng lập thủ tục xin cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng (kể từ

ngày 01 tháng 01 năm 2022) (theo điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện pháp luật về BVMT theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường đã được phê duyệt; Giám sát vận hành thử nghiệm các công trình BVMT của các dự án.

- Phối hợp với UBND tỉnh, các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng về công tác BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu, chỉ tiêu môi trường trong nông thôn mới cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp.

2. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

a) Về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

- Rà soát, củng cố và phân công trách nhiệm quản lý CTR một cách đồng bộ, thống nhất đầu mối quản lý CTR tại các huyện, thành phố. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho các đơn vị thu gom vận chuyển xử lý CTR, nhất là CTR sinh hoạt.

- Tăng cường năng lực (tăng cường cán bộ) quản lý môi trường, chú trọng đào tạo, tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường, thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch liên tịch về BVMT đã ký kết, tăng cường vai trò phản biện, giám sát, tham gia quản lý nhà nước về BVMT của các Hội đoàn thể; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động phối hợp, đảm bảo đúng theo các nội dung, mục tiêu đề ra.

b) Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện phân vùng môi trường với định hướng các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội phù hợp; thiết lập các cơ chế kiểm soát, ngăn chặn các hoạt động phát triển gây hại đến môi trường trong từng vùng, đặc biệt chú trọng đến các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở các đô thị, mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn. Rà soát quy hoạch, nhu cầu xử lý, chôn lấp, năng lực đáp ứng yêu cầu về BVMT của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; có kế hoạch cụ thể để nâng cấp, cải tạo, đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải rắn không đạt yêu cầu. Song song đó, các địa phương có phương án điều phối, liên kết với các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh để xử lý chất thải rắn phát sinh tại địa phương, đảm bảo đạt mục tiêu đề ra theo Kế hoạch số 1448/KH-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai lộ

trình và giải pháp xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu BVMT đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực môi trường; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khung và hệ thống thông tin về môi trường, trước hết thực hiện công tác quản lý một số dữ liệu về nguồn thải, chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường của lực lượng Công an phòng chống tội phạm về môi trường. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đặc biệt đối với các dự án, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ lớn, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng.

- Thực hiện đô thị hóa bền vững, phát triển đô thị gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật về BVMT; chú trọng phát triển không gian xanh, công trình xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, chống chịu với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các chương trình, hoạt động truyền thông về BVMT trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý bảo vệ các khu bảo tồn, khu vực đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học và các khu vực chưa đủ điều kiện thành lập khu bảo tồn.

c) Về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

- Có các chính sách thu hút, kêu gọi xã hội hóa trong công tác BVMT, nhất là đối với lĩnh vực thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, đầu tư công trình xử lý nước thải tập trung,...

- Quan tâm bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ về BVMT theo đề xuất của ngành tài nguyên và môi trường và UBND các huyện. Tăng chi từ ngân sách nhà nước cho công tác BVMT, bảo đảm tăng dần theo tốc độ tăng trưởng kinh tế.

X. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị đối với Chính phủ

- Ban hành các chính sách nhằm tăng cường hơn nữa việc xã hội hóa, thu hút các nhà đầu tư tham gia các lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị.

- Có các chính sách tăng cường biên chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý BVMT. Đặc biệt, đối với cán bộ chuyên môn cấp xã nên bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn về tài nguyên môi trường; không để cán bộ cấp xã kiêm nhiệm quá nhiều nhiệm vụ như hiện nay.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành quan tâm hỗ trợ địa phương (về kỹ thuật, kinh phí) trong thực hiện các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, như: tiêu chí phân loại rác tại nguồn, xử lý chất thải nguy hại trong hoạt động sinh hoạt của người dân; xử lý bao bì nhựa sử dụng một lần, hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Sớm ban hành hướng thực hiện điểm c khoản 2 Điều 58; khoản 7 Điều 72; khoản 2 Điều 75; điểm c khoản 5 Điều 86; điểm d khoản 5 Điều 86 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Hướng dẫn, tập huấn về công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phân cấp thẩm định báo cáo ĐTM và cấp Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hướng dẫn, chuyển giao hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường ở cấp bộ, kết nối, chia sẻ với các địa phương.

- Thường xuyên phổ biến, hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn các công nghệ sản xuất sạch hơn và công nghệ xử lý chất thải hiện đại, hiệu quả; hướng dẫn cụ thể hơn trong phương án tuần hoàn tái sử dụng chất thải, sớm ban hành hướng dẫn về xác định khoảng cách an toàn về môi trường.

Trên đây là Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Vụ Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN, KTTH, HTKT, KGVX, NC.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm